

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUÝ	3
BÁO CÁO KIÊM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIÊM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6
Báo cáo kết quả hoạt động	7
Báo cáo tài sản	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 24

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 181/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam ("MAMV"), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPĐC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011
39/GPĐC-UBCK	Ngày 29 tháng 6 năm 2012

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUÝ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Thế Nhiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013
Ông Tổng Văn Dũng (đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Võ Văn Tiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	Từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2013
Bà Lâm Lệ Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Nguyễn Xuân Việt Bình	Thành viên tạm thời	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán và báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Thế Nhiên
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 2 năm 2014

Số tham chiếu: 60760547/16527323

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được lập ngày 24 tháng 2 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm (sau đây gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam là Công ty Quản lý của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ, chịu trách nhiệm kiểm tra báo cáo tài chính này.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Trần Thị Minh Tiến
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1331-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2014



Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B01-QĐT

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
A. TÀI SẢN				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	4.497.499.102	13.744.040.782
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	191.541.909.900	134.870.387.175
131	3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	215.996.000	57.655.000
200	TỔNG TÀI SẢN		196.255.405.002	148.672.082.957
B. NGUỒN VỐN				
300	I. Nợ phải trả		584.176.504	580.777.820
314	1. Phải trả phụ cấp Ban Đại Diện quỹ		15.000.000	-
315	2. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	7	346.696.542	267.264.282
318	3. Phải trả khác	8	222.479.962	313.513.538
400	II. Nguồn vốn chủ sở hữu		195.671.228.498	148.091.305.137
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	9	214.095.300.000	214.095.300.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(18.424.071.502)	(66.003.994.863)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		196.255.405.002	148.672.082.957

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
1	Chứng khoán theo mệnh giá	46.043.810.000	40.228.280.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân

Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm
Ngày 24 tháng 2 năm 2014
Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B02-QĐT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
	A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		12.127.522.440	2.700.695.076
11	1. Cổ tức được nhận		6.791.015.430	7.011.251.090
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		-	-
13	3. Lãi tiền gửi		148.401.298	240.891.868
14	4. Lãi/(lỗ) từ kinh doanh chứng khoán		5.188.105.712	(4.551.447.882)
15	5. Thu nhập khác		-	-
30	II. Chi phí		4.607.142.372	3.739.661.388
31	1. Phí quản lý quỹ và thường hoạt động	14(i)	3.726.956.841	2.866.831.503
32	2. Phí giám sát, lưu ký tài sản Quỹ		261.215.852	266.657.921
33	3. Chi phí họp, đại hội		94.487.199	111.433.326
34	4. Chi phí kiểm toán		186.450.000	203.936.000
38	5. Phí và chi phí khác	11	338.032.480	290.802.638
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm		7.520.380.068	(1.038.966.312)
	B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		45.548.312.941	33.145.243.140
61	1. Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		45.548.312.941	33.145.243.140
70	II. Chi phí		(5.488.769.648)	(2.307.561.984)
71	1. Lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		(5.488.769.648)	(2.307.561.984)
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm		40.059.543.293	30.837.681.156
90	Lợi nhuận thuần trong năm		47.579.923.361	29.798.714.844

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân
KT. Kế toán trưởng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

★ TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ★

★ QUẢN LÝ QUỸ ★

★ MANULIFE ★

★ VIỆT NAM ★

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Ngày 24 tháng 01 năm 2014

Giam đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B05-QDT

BÁO CÁO TÀI SẢN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
1	Tiền	4.497.499.102	13.744.040.782
2	Các khoản đầu tư	191.541.909.900	134.870.387.175
2.1	Cổ phiếu	191.541.909.900	134.803.117.800
2.1.1	Cổ phiếu niêm yết	191.541.909.900	134.803.117.800
2.2	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	67.269.375
3	Cổ tức được nhận	215.996.000	57.655.000
4	Lãi được nhận	-	-
	Tổng tài sản	196.255.405.002	148.672.082.957
5	Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	(15.000.000)	-
6	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	(346.696.542)	(267.264.282)
7	Các khoản phải trả khác	(222.479.962)	(313.513.538)
	Tổng nợ phải trả	(584.176.504)	(580.777.820)
	Tài sản ròng của Quỹ	195.671.228.498	148.091.305.137
8	Tổng số đơn vị quỹ	21.409.530	21.409.530
9	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (mệnh giá 10.000 VND单一 vị quỹ)	9.139	6.917

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân
Kế toán trưởng



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Ngày 24 tháng 01 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B06-QĐT

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Năm 2013	Năm 2012
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	148.091.305.137	118.292.590.293
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm <i>Trong đó:</i>	47.579.923.361	29.798.714.844
1	- Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	47.579.923.361	29.798.714.844
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	195.671.228.498	148.091.305.137

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân
KT.Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Ngân hàng TNHH Chứng khoán HSBC



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B07-QĐT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	CHỈ TIẾU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (%)
I Cổ phiếu niêm yết					
1	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	269.995	135.000	36.449.325.000	18,57%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma san (MSN)	221.200	82.500	18.249.000.000	9,30%
3	Tổng Công ty Kho Việt Nam - CTCP (GAS)	474.670	66.500	31.565.555.000	16,08%
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	564.010	26.800	15.115.468.000	7,70%
5	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (DPM)	101.200	41.500	4.199.800.000	2,14%
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	812.955	12.700	10.324.528.500	5,26%
7	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	262.047	47.100	12.342.413.700	6,29%
8	Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	68.367	37.800	2.584.272.600	1,32%
9	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)	100.940	114.000	11.507.160.000	5,86%
10	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	157.682	41.100	6.480.730.200	3,30%
11	Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí (PVD)	51.417	61.000	3.136.437.000	1,60%
12	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	605.858	20.500	12.420.089.000	6,33%
13	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (VIC)	162.790	70.000	11.395.300.000	5,81%
14	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú (DPR)	57.900	46.900	2.715.510.000	1,38%
15	CTCP Cơ điện lạnh (REE)	8	29.600	236.800	0,00%
16	Công ty CP Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HCM)	96.250	24.500	2.358.125.000	1,20%
17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT)	52.087	40.500	2.109.523.500	1,07%
18	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	73.980	18.000	1.331.640.000	0,68%
19	Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (SBT)	64.000	12.400	793.600.000	0,40%
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	65.200	19.200	1.251.840.000	0,64%

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B07-QĐT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	CHỈ TIẾU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)				
21	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH)	204.060	14.800	3.020.088.000	1,54%
22	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	63.419	12.400	786.395.600	0,40%
23	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa Vũng Tàu (HDC)	48.619	18.800	914.037.200	0,47%
24	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM (CII)	22.995	19.300	443.803.500	0,23%
25	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	2.660	17.200	45.752.000	0,02%
26	Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận Chuyển (GMD)	6	33.600	201.600	0,00%
27	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	28	15.600	436.800	0,00%
28	Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (PVC)	21	14.500	304.500	0,00%
29	Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	3	51.000	153.000	0,00%
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (TDH)	5	13.700	68.500	0,00%
31	Công ty Cổ phần Xây dựng & Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC)	4	14.600	58.400	0,00%
32	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	3	12.500	37.500	0,00%
33	Công ty cổ phần XNK Thuỷ sản Cửu Long An Giang (ACL)	2	9.500	19.000	0,00%

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B07-QĐT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (%)
II	Các loại chứng khoán khác	-	-	-	-
III	Các tài sản khác				
1	Cỗ tức được nhận		215.996.000		0,11%
2	Lãi tiền gửi được nhận			-	-
IV	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng		4.497.499.102		2,29%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC		196.255.405.002		100,00%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân
KT.Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)
Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC
Ngày 24 tháng 2 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 181/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam ("MAMV"), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPĐC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011
39/GPĐC-UBCK	Ngày 29 tháng 6 năm 2012

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sê niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh số 3.1).

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, báo cáo này không nhắm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng với chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tuần và hàng tháng theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại khoản đầu tư được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng theo số tay định giá được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt, phù hợp với Thông tư số 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2012. Cụ thể như sau:

- Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá hoặc giá mua trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu có giao dịch trên thị trường không chính thức được đánh giá theo giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc
 - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
 - + Giá mua.
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được đánh giá theo mệnh giá;
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phần, phần góp vốn khác được đánh giá theo giá mua/giá trị góp vốn.

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.

3.2 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận và mệnh giá được ghi nhận đối với các đơn vị quỹ đã phát hành.

3.3 Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

3.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cỗ tức, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc ban đầu.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Quỹ đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở đòn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cỗ tức

Thu nhập từ cỗ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cỗ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

3.9 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong báo cáo tài chính vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành, trước mỗi lần trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, các tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Số thuế khấu trừ được xác định bằng lợi tức, cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân viên quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi thanh toán bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) vào thời điểm cuối năm.

5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết) như trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B04-QĐT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá mua	Lãi do đánh giá lại	Lỗ do đánh giá lại
Cổ phiếu niêm yết	167.308.296.681	36.900.086.485	(12.666.473.266)
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	-	-
	167.308.296.681	36.900.086.485	(12.666.473.266)
			191.541.909.900

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Giá mua	Lãi do đánh giá lại	Lỗ do đánh giá lại
Cổ phiếu niêm yết	150.696.317.249	16.346.241.326	(32.239.440.775)
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	67.269.375	-
	150.696.317.249	16.413.510.701	(32.239.440.775)
			134.870.387.175

6. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Phải thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức được nhận vào thời điểm cuối năm.

7. PHẢI TRÀ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

	VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phi quản lý Quỹ	326.696.542	247.264.282	
Phi giám sát và lưu ký Quỹ	20.000.000	20.000.000	
	346.696.542	267.264.282	

8. PHẢI TRÀ KHÁC

	VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí kiểm toán	108.900.000	181.500.000	
Phải trả chi phí họp, đại hội	113.579.962	132.013.538	
	222.479.962	313.513.538	

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

B04-QĐT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vốn góp của các nhà đầu tư	<u>214.095.300.000</u>	<u>214.095.300.000</u>	

Căn cứ theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tất cả các đơn vị quỹ đều có quyền như nhau, bao gồm quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn trả vốn góp và các quyền khác. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp đủ vốn được quyền hưởng cổ tức khi Công ty Quản lý Quỹ công bố và tương ứng một quyền biểu quyết.

Chi tiết các cổ đông nắm giữ đơn vị quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Số đơn vị Quỹ nắm giữ	%
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	83.830.000.000	8.383.000	39,16
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	22.545.000.000	2.254.500	10,53
Ông Lê Sơn Hà	10.098.400.000	1.009.840	4,72
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt (đại diện bởi Ông Tổng Văn Dũng)	61.700.000	6.170	0,03
Các cổ đông khác	97.560.200.000	9.756.020	45,56
	214.095.300.000	21.409.530	100,00

10. LỖ LŨY KẾ

	VNĐ	Năm 2013	Năm 2012
Lỗ lũy kế đầu năm	(66.003.994.863)	(95.802.709.707)	
Lãi thuần trong năm	47.579.923.361	29.798.714.844	
LỖ LŨY KẾ CUỐI NĂM	(18.424.071.502)	(66.003.994.863)	

11. PHÍ VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	Năm 2013	Năm 2012
Phi duy trì tài khoản nhà đầu tư	236.159.000	236.368.000	
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	78.000.000	31.000.000	
Phi niêm yết	22.140.953	22.140.953	
Phi ngân hàng	1.732.527	1.293.685	
	338.032.480	290.802.638	

12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần, rủi ro tín dụng.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quỹ. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ.

Quỹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VNĐ. Quỹ không có rủi ro về tiền tệ.

12.2 *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 191.541.909.900 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 134.803.117.800 VNĐ). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này tăng/(giảm) 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với các biến số khác không thay đổi thì lãi của Quỹ sẽ tăng/(giảm) khoảng 19.154.190.990 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: lãi của Quỹ sẽ tăng/(giảm) 13.480.311.780 VNĐ).

12.3 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

12.4 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

B04-QĐT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
Tài sản tài chính			
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	191.541.909.900	134.870.387.175	134.870.387.175
- Cổ phiếu niêm yết	191.541.909.900	134.803.117.800	134.803.117.800
- Quyền mua cổ phiếu	-	67.269.375	67.269.375
Các khoản phải thu			
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	215.996.000	57.655.000	57.655.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.497.499.102	13.744.040.782	13.744.040.782
TỔNG CỘNG	196.255.405.002	148.672.082.957	148.672.082.957
Nợ tài chính phải trả			
Phải trả cho Ban Đại diện Quý	15.000.000	-	15.000.000
Phải trả cho các bên có liên quan	346.696.542	267.264.282	346.696.542
Phải trả khác	222.479.962	313.513.538	222.479.962
TỔNG CỘNG	584.176.504	580.777.820	580.777.820

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, phải thu khác, phải trả cho các bên có liên quan, phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
- ▶ Giá trị hợp lý của quyền mua cổ phiếu được đánh giá lại theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được hưởng phí quản lý quỹ hàng năm. Phí quản lý quỹ hàng năm bằng 2,00% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

	VND	
	Năm 2013	Năm 2012
Phí Quản lý Quỹ	3.726.956.841	2.866.831.503

ii) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Quỹ đã chỉ định HSBC Việt Nam làm Ngân hàng Giám sát và Lưu ký. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký một khoản phí lưu ký hàng năm bằng 0,06% giá trị tài sản ròng của Quỹ, phí giám sát hàng năm bằng 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán là 195.000 VNĐ/một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 19.500.000 VNĐ mỗi tháng (bao gồm phí lưu ký tối thiểu 14.500.000 VNĐ và phí giám sát tối thiểu 5.000.000 VNĐ); phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

Ngoài ra, từ 1 tháng 1 năm 2011, HSBC Việt Nam có thu thêm phí lưu ký trên giá trị tài sản lưu ký cuối tháng và phí chuyển khoản chứng khoán thực hiện trong tháng của Quỹ. Các khoản phí này sẽ được ngân hàng thanh toán lại cho Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") hàng tháng và được tính cụ thể như sau:

- ▶ Phí lưu ký tại TTLKCK: 0,4 VNĐ/cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ mỗi tháng và 0,2 VNĐ/trái phiếu mỗi tháng.
- ▶ Phí chuyển khoản chứng khoán của TTLKCK: 0,5 VNĐ/cổ phiếu/giao dịch (nhưng không vượt quá 500.000 VNĐ/giao dịch).

(Căn cứ theo Thông tư số 27/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 2 năm 2010 và Thông tư số 02/2013/TT-BTC ngày 8 tháng 1 năm 2013 ban hành bởi Bộ tài chính qui định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- ii) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (tiếp theo)

	VNĐ	Năm 2013	Năm 2012
Phí giám sát và lưu ký	240.000.000	240.000.000	
Tiền gửi thanh toán	4.497.499.102	13.744.040.782	

- iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ trong năm 2013 là 78.000.000 VNĐ (năm 2012: 31.000.000 VNĐ) và được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Ngoài thù lao cho Ban đại diện, không có bất kỳ hợp đồng hay giao dịch nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

- iv) Số lượng chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

Chi tiết các bên liên quan nắm giữ đơn vị Quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Các bên liên quan	Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	8.383.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam	Không
HSBC Việt Nam	Không
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt	6.170
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	
Ông Nguyễn Thế Nghiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Việt Bình	Thành viên tạm thời
Bà Lâm Lệ Linh	Thành viên
Ông Võ Văn Tiền	Thành viên
Ông Tổng Văn Dũng (đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)	Thành viên
	Không
	Không
	100.000
	73.400
	Không

15. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

	Năm 2013	Năm 2012
I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1 Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	97,60%	90,72%
2 Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	97,60%	90,67%
3 Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	97,60%	90,67%
4 Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
5 Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
6 Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,05%
7 Tỷ lệ tiền mặt/Tổng giá trị tài sản	2,29%	9,24%
8 Tỷ lệ thu nhập/Tổng giá trị tài sản	26,59%	22,56%
9 Tỷ lệ chi phí/Tổng giá trị tài sản	2,35%	2,52%
II Các chỉ số thị trường		
1 Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị quỹ)	21.409.530	21.409.530
2 Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của các nhân viên Công ty Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam/Tổng số đơn vị quỹ	0,00%	0,00%
3 Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	9.139	6.917

Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

B04-QĐT

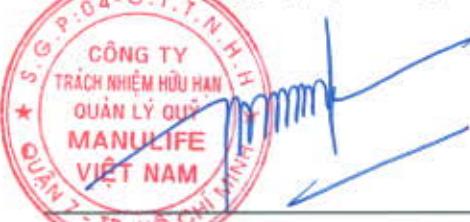
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Kiều Thị Minh Hằng
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân
KT.Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Le Thị Thành Tâm

Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Ngày 24 tháng 2 năm 2014 HSBC

